

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH KHÁNH HÒA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 48/2020/HS-ST
Ngày 12 - 6 - 2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Bùi Thị Nghĩa**

Thẩm phán : Ông **Nguyễn Văn Tuấn**

Các Hội thẩm nhân dân : Ông **Trần Hữu Lý**

Ông **Mai Gia Cát**

Bà **Văn Thị Lệ Văn**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Mỹ Hạnh** - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa:
Ông **Trương Quang Trung** - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 6 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa, tiến hành xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 45/2020/TLST-HS ngày 17 tháng 3 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 49/2020/QĐXXST-HS ngày 06 tháng 5 năm 2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 24/2020/HSST-QĐ ngày 21/5/2020, đối với:

- Bị cáo **Lê Thị Minh Q** (tên gọi khác: **N**), sinh năm 1988, tại Khánh Hòa; Nơi cư trú: Thôn n, xã D, huyện K, tỉnh Khánh Hòa; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 10/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lê Minh Q và bà Nguyễn Thị H; Có chồng và ba con; Tiền án, tiền sự: Không; Bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú: Có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo: Ông **Đoàn Trung Dũng**, Luật sư, Công ty Luật TNHH T&D, Đoàn luật sư tỉnh Khánh Hòa; Địa chỉ: 35 Tổ Hữu, phường Phước Hải, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa: Có mặt;

- Bị hại: Bà **Nguyễn Thị S**, sinh năm 1960; Nơi cư trú: Phường P, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa: Có mặt;

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh **Bùi Tuấn T**, sinh năm 1983; Nơi cư trú: Phường L, thành phố H, tỉnh Hải Dương: Vắng mặt;

- Người làm chứng:

1. Anh **Nguyễn Đình T**: Vắng mặt;

2. Bà Nguyễn Thị H: Vắng mặt;
3. Chị Lê Thị Minh L: Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tháng 7/2017, Lê Thị Minh Q mua diện tích 113m² đất thuộc thửa đất số 1313, tờ bản đồ số 6, tọa lạc tại Thôn 4, xã Diên Phú, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa và được Ủy ban nhân dân huyện Diên Khánh cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản gắn liền với đất số CH 0248 ngày 25/8/2017.

Tháng 12/2017, Q chuyển nhượng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản gắn liền với đất đối với thửa đất nói trên cho anh Bùi Tuấn T. Ngày 26/12/2017, Ủy ban nhân dân huyện Diên Khánh chỉnh lý giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản gắn liền với đất cho anh Bùi Tuấn T (do nhận chuyển nhượng). Sau khi chuyển nhượng nhà, đất cho anh T, Q thuê lại ngôi nhà này để ở.

Ngày 15/02/2018, bà Nguyễn Thị S đến gặp Q hỏi mua nhà đất Q đang ở. Q nảy sinh ý định chiếm đoạt tiền của bà S để lấy tiền trả nợ nên đưa Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản gắn liền với đất (được photo trước khi chuyển nhượng cho anh T) và nói giấy tờ gốc đang được chồng Q giữ ở Hải Dương, nếu bà S mua thì Q bán với giá 600.000.000đ và đặt cọc 300.000.000đ. Bà S đồng ý mua và thỏa thuận đặt cọc trước 110.000.000đ, yêu cầu Q chuyển đồ ra khỏi nhà để giao nhà cho bà S ngay trong ngày. Q đồng ý và lập Hợp đồng đặt cọc với sự chứng kiến của anh Nguyễn Thành T (em bà S) và bà Nguyễn Thị H (mẹ Q). Vào các ngày 21/02/2018, 22/02/2018, 28/02/2018, Q tiếp tục đến nhà bà S để lấy thêm số tiền lần lượt là 70.000.000đ, 120.000.000đ, 100.000.000đ. Sau đó, Q nhiều lần điện thoại yêu cầu bà S giao tiếp số tiền 200.000.000đ nhưng bà S không đồng ý vì Q liên tục hẹn nhưng không cho xem Giấy tờ gốc của nhà, đất chuyển nhượng.

Ngày 17/9/2018, anh Bùi Tuấn T đến nhà, đất nói trên và cho bà S biết việc Q đã chuyển nhượng nhà, đất cho anh T; Bà S đã có đơn tố giác Q với cơ quan điều tra.

Tại bản Cáo trạng số 48/CT-VKSKH-P1 ngày 16 tháng 3 năm 2020, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa đã truy tố Lê Thị Minh Q về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự đối với hành vi gian dối trong việc chuyển nhượng tài sản không thuộc quyền sở hữu của mình để chiếm đoạt 600.000.000đ của bà Nguyễn Thị S.

Quá trình điều tra bị cáo khai nhận: Do cần tiền để trả nợ nên khi bà S đến hỏi mua nhà, bị cáo biết bà S chưa biết việc bị cáo đã bán nhà đất này nên nảy sinh ý định gian dối để chiếm đoạt tiền của bà S. Bị cáo không nói cho bà S biết việc đã chuyển nhượng nhà đất cho anh T và thỏa thuận tại các “*Giấy đặt cọc*”

sẽ làm thủ tục chuyển quyền sở hữu khi bà S trả đủ số tiền 600.000.000đ. Sau khi nhận được 400.000.000đ của bà S, bị cáo còn nhiều lần điện thoại gặp bà S yêu cầu giao tiếp số tiền 200.000.000đ, bà S yêu cầu bị cáo phải đưa giấy tờ gốc về nhà đất mới đưa tiền nhưng bị cáo không đáp ứng được nên bà S không giao thêm tiền cho bị cáo.

Tại phiên tòa bị cáo khai với mục đích chiếm đoạt số tiền 600.000.000đ của bị hại, bị cáo đưa cho bị hại xem Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản gắn liền với đất (được photo trước khi chuyển nhượng cho anh T). Bị cáo không nói cho bị hại biết việc mình đã chuyển nhượng tài sản cho anh T và thỏa thuận bán nhà, đất cho bị hại với giá tiền 600.000.000đ. Sau khi nhận được 400.000.000đ, hai bên thỏa thuận sẽ giao số tiền còn lại 200.000.000đ vào tháng 6/2018, sau đó thống nhất lại sẽ giao vào tháng 12/2018 nhưng đến tháng 9/2018, bị hại gặp anh T nên bị cáo không lấy số tiền 200.000.000đ còn lại. Bị cáo xác nhận lời khai tại cơ quan điều tra là đúng sự thật, không bị ép cung, mớm cung, nhục hình và đồng ý hoàn trả lại số tiền 400.000.000đ đã chiếm đoạt của bà S.

Bị hại Nguyễn Thị S trình bày: Vì tin tưởng Q nên bà đã đồng ý mua nhà đất theo giá thỏa thuận với Q là 600.000.000đ và đã nhiều lần đưa tiền cho Q với tổng số 400.000.000đ. Sau đó, Q nhiều lần gọi điện yêu cầu bà giao số tiền còn lại (200.000.000đ) nhưng do Q nhiều lần hẹn mà không đưa bản gốc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà xem nên bà không đưa số tiền này cho Q. Cho đến khi anh T đến gặp và đưa giấy tờ bà mới biết Q đã lừa dối để chiếm đoạt tiền của bà. Nay bà đề nghị xét xử bị cáo theo pháp luật và yêu cầu bị cáo hoàn trả cho bà số tiền 400.000.000đ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - Bùi Tuấn T trình bày tại cơ quan điều tra: Khoảng tháng 12/2017, Lê Thị Minh Q có chuyển nhượng cho ông thừa đất tại Thôn 4, xã Diên Phú, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa. Sau khi nhận chuyển nhượng ông cho Lê Thị Minh Q ở nhờ tại ngôi nhà cấp 4 xây dựng trên thửa đất này. Năm 2018, ông từ Hải Dương vào để chuyển nhượng lại thửa đất trên thì biết Q đã bán thửa đất nói trên của ông cho người khác.

Tranh luận tại phiên tòa, Kiểm sát viên giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, xử phạt tù Lê Thị Minh Q từ 12 đến 13 năm; Buộc bị cáo bồi thường cho bị hại số tiền đã chiếm đoạt.

Người bào chữa cho bị cáo cho là: Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội nhưng lời khai của bị cáo tại phiên tòa thể hiện bị cáo chỉ chiếm đoạt số tiền 400.000.000đ, bị cáo không nhất thiết đòi bị hại phải giao số tiền 200.000.000đ còn lại. Bị cáo phạm tội khi đang mang thai nên ngoài tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng thêm tình tiết

người phạm tội là phụ nữ có thai quy định tại điểm n khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo.

Tại lời nói sau cùng bị cáo trình bày: Hoàn cảnh gia đình của bị cáo hiện rất khó khăn, bị cáo có con còn nhỏ nên mong được xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Cơ quan điều tra Công an tỉnh Khánh Hòa, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Luật sư, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Phiên tòa xét xử vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng theo quy định tại Điều 292, 293 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Căn cứ lời khai của bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng tại phiên tòa, tại cơ quan điều tra và các tài liệu, chứng cứ khác do cơ quan điều tra thu thập, có cơ sở xác định: Bị cáo có hành vi gian dối trong việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất đối với thửa đất số 1313, tờ bản đồ số 6, xã Diên Phú, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa để chiếm đoạt 600.000.000đ của bị hại và đã chiếm đoạt được 400.000.000đ. Số tiền 200.000.000đ không chiếm đoạt được là nằm ngoài ý muốn của bị cáo.

[3] Hành vi do bị cáo thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của bị hại, thuộc trường hợp “*chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 500.000.000đ trở lên*” bằng thủ đoạn gian dối. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa truy tố bị cáo về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[4] Bị cáo đã thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải nên đề nghị của đại diện Viện kiểm sát và người bào chữa cho bị cáo về việc áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo là có căn cứ. Ngoài ra, bị cáo là người chưa có tiền án, tiền sự, số tiền thực tế bị cáo chiếm đoạt được là 400.000.000đ nên có căn cứ để áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự khi lượng hình đối với bị cáo. Theo Giấy chứng sinh và giấy ra viện bị cáo giao nộp, bị cáo sinh con vào ngày 21/12/2019 nên không có cơ sở xác định bị cáo mang thai vào thời điểm phạm tội (tháng 02/2018). Vì vậy, không có căn cứ áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm n khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo.

[5] Căn cứ vào mức hình phạt quy định tại khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự, tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội do bị cáo thực hiện, nhân thân của bị cáo và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được áp dụng với bị cáo, mức hình phạt Kiểm sát viên đề nghị áp dụng đối với bị cáo là phù hợp.

[6] Về trách nhiệm dân sự và án phí: Sự thỏa thuận giữa bị cáo và bị hại tại phiên tòa là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên được công nhận. Bị cáo phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174, điểm s Khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự,

Xử phạt: Lê Thị Minh Q 12 (mười hai) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, thời hạn tù tính từ ngày bắt đi thi hành án.

2. Công nhận sự thỏa thuận giữa bị cáo và bị hại như sau: Bị cáo phải trả lại cho bị hại Nguyễn Thị S số tiền 400.000.000đ (bốn trăm triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, người phải thi hành án phải trả lãi đối với số tiền chậm thi hành án theo quy định tại Điều 357 Bộ luật Dân sự.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội,

Bị cáo phải nộp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo, bị hại được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Thời hạn kháng cáo đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa là 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án.

Nơi nhận:

- VKSND, CA, Sở TP tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- Vụ GDKT 1;
- Cục THA DS tỉnh Khánh Hòa;
- Bị cáo, bị hại, người liên quan;
- Lưu án văn;
- Lưu hồ sơ.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)
Bùi Thị Nghĩa**

